

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TRÍ THỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRẺ TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO Ở VIỆT NAM: MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA¹

Bùi Thị Thu Ngân²

Tóm tắt: Bài viết tổng hợp và đánh giá hệ thống cơ chế, chính sách đối với trí thức khoa học và công nghệ trẻ trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam trên cơ sở phân tích tài liệu thứ cấp và rà soát khung khổ thể chế. Kết quả cho thấy, mặc dù hành lang chính sách đã có những bước tiến quan trọng, song vẫn tồn tại hai nhóm điểm nghẽn chính: (1) chính sách thiếu đồng bộ, chưa hình thành hệ thống tích hợp cho toàn bộ vòng đời nghề nghiệp của trí thức khoa học và công nghệ trẻ; (2) khoảng cách giữa chính sách và thực thi do hạn chế về năng lực tổ chức, tư duy quản trị và tiêu chí vận hành. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất hoàn thiện hệ thống chính sách theo hướng tích hợp, liên tục; đồng thời nâng cao năng lực thực thi, trao quyền và cụ thể hóa các cơ chế quản trị nhằm tạo môi trường thuận lợi để trí thức trẻ phát huy năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Từ khóa: Chính sách; đổi mới sáng tạo; khoa học công nghệ; trí thức trẻ.

Abstract: This article reviews and assesses the system of mechanisms and policies aimed at promoting the participation of young science and technology intellectuals in scientific, technological, and innovation activities in Vietnam, based on secondary data analysis and a review of the existing institutional framework. The findings show that, although the policy framework has made significant progress, two major bottlenecks remain: (1) policy fragmentation and a lack of an integrated system covering the entire career life cycle of young science and technology intellectuals; and (2) a gap between policy and implementation due to limitations in organizational capacity, management thinking, and operational criteria. On this basis, the article recommends developing a more integrated and continuous policy system, while strengthening implementation capacity, empowering young intellectuals, and specifying governance mechanisms to create a more enabling environment for them to develop their scientific, technological, and innovation capabilities.

Keywords: Policies; innovation; science and technology; young science and technology intellectuals.

Nhận bài: 20/07/2026

Gửi phản biện: 31/07/2026

Duyệt đăng: 18/08/2026

1. Đặt vấn đề

Việt Nam đang đẩy mạnh chuyển dịch mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy trí thức và con người làm trụ cột quyết định năng lực cạnh

tranh quốc gia. Trong đó, trí thức khoa học và công nghệ trẻ (được xác định là người trong độ tuổi từ 21 đến 35 tuổi, có trình độ chuyên môn và năng lực trí thức tương đối cao, thực hiện lao động trí óc phức tạp, trực tiếp hoặc gián tiếp tham

1 Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học cấp Bộ: “Nghiên cứu cơ chế và giải pháp thúc đẩy sự tham gia của trí thức khoa học, công nghệ trẻ trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới, sáng tạo”, mã số ĐTCB/MTTW/2026-02, do TS. Đặng Vũ Cảnh Linh làm chủ nhiệm, Viện Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học là cơ quan chủ trì.
2 Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Truyền thông và Phát triển.

gia sáng tạo, truyền bá, ứng dụng và phát triển tri thức trong một lĩnh vực nghề nghiệp hoặc hoạt động xã hội nhất định¹⁾ giữ vị trí trung tâm. Họ không chỉ là lực lượng kế thừa nền tảng học thuật của các thế hệ đi trước, mà còn có khả năng tiếp cận nhanh các luồng tri thức tiên phong, công nghệ cốt lõi và những phương thức nghiên cứu hiện đại. Việc khơi thông năng lực và thúc đẩy sự tham gia thực chất của đội ngũ này vì vậy không chỉ góp phần giải quyết bài toán phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, mà còn là điều kiện then chốt để nâng tầm vị thế khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của đất nước.

Thời gian qua, hệ thống cơ chế, chính sách phát triển, thu hút và trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ đã có những bước chuyển biến căn bản. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đã tạo dấu mốc quan trọng khi xác định “*nhân lực*” là một trong những “*nội dung trọng tâm, cốt lõi*”, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm nguồn nhân lực trình độ cao và xây dựng cơ chế, chính sách đặc biệt về nhân tài. Định hướng này tiếp tục được khẳng định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026) và từng bước được thể chế hóa qua Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 cùng hệ thống nghị định, chính sách về nhân lực, nhân tài, tự chủ và thu hút chuyên gia. Tính đến nay, hơn 400 văn bản chỉ đạo, điều hành và văn bản quy phạm pháp luật quan trọng đã được ban hành, tạo cơ sở chính trị và nền tảng pháp lý cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Việt Hà, Việt Trung, 2026). Trong đó, nhiều văn bản trực tiếp điều chỉnh các vấn đề về nhân lực, nhân tài và cơ chế trọng dụng cán bộ khoa học.

Dù vậy, giá trị thực tiễn của chính sách không chỉ đo đếm bằng số lượng văn bản, mà phụ thuộc vào việc kiến tạo những cơ hội và nguồn lực thực chất để các nhà khoa học trẻ phát triển sự nghiệp. Việc nhận diện và hệ thống hóa các quy định hiện hành là cơ sở cần thiết để đánh giá mức độ đồng bộ của hành lang pháp lý, đồng thời phát hiện những điểm nghẽn thể chế còn tồn tại.

Trên phương diện khoa học, đã có một số nghiên cứu đề cập đến chính sách phát triển nhân

lực khoa học và công nghệ nói chung, song các công trình tập trung chuyên sâu vào tri thức khoa học và công nghệ trẻ - với tư cách là đối tượng đặc thù có đặc điểm tâm lý, năng lực và nhu cầu phát triển riêng - vẫn còn hạn chế. Khoảng trống nghiên cứu thể hiện ở chỗ: (1) thiếu sự hệ thống hóa toàn diện các cơ chế, chính sách hiện hành theo chuỗi “*tạo cơ hội – tiếp cận nguồn lực – tạo động lực – bảo vệ quyền lợi – bảo đảm môi trường sáng tạo*” dành riêng cho đội ngũ trí thức, khoa học và công nghệ trẻ; (2) chưa làm rõ mức độ đồng bộ và các điểm nghẽn thể chế ảnh hưởng trực tiếp đến sự tham gia thực chất của đội ngũ này trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Xuất phát từ thực tiễn và khoảng trống nêu trên, bài viết tập trung tổng quan các chính sách nổi bật đối với trí thức khoa học và công nghệ trẻ, từ cơ chế tạo cơ hội việc làm, mở rộng khả năng tiếp cận nguồn lực đến chính sách tạo động lực, bảo vệ quyền lợi và bảo đảm môi trường sáng tạo, qua đó đề xuất các hàm ý nhằm tiếp tục hoàn thiện khung khổ thể chế trong giai đoạn tiếp theo.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu thứ cấp kết hợp rà soát khung khổ thể chế nhằm hệ thống hóa các quy định, chính sách hiện hành đối với đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ trẻ. Nguồn dữ liệu chính được trích xuất từ các văn kiện chỉ đạo của Đảng và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, nghiên cứu tham chiếu các báo cáo tổng kết ngành và một số công trình phân tích chính sách đã công bố nhằm bổ sung cơ sở thực chứng.

Trên cơ sở nguồn tư liệu nêu trên, bài viết tập trung rà soát và phân tích các nhóm chính sách liên quan đến việc tạo cơ hội việc làm, mở rộng khả năng tiếp cận nguồn lực, đãi ngộ, tôn vinh cũng như bảo đảm môi trường sáng tạo cho nhân lực trẻ. Việc phân nhóm này mang tính chất định hướng để làm rõ các nội dung chính sách hiện hành; từ đó, nghiên cứu bước đầu nhận diện một số điểm nghẽn thể chế có thể ảnh hưởng đến sự tham gia thực chất của trí thức khoa học và công nghệ trẻ. Do phạm vi và nguồn dữ liệu chủ yếu mang tính thứ cấp, các nhận định về điểm

1 Định nghĩa về “*trí thức khoa học, công nghệ trẻ*” được xác định và sử dụng trong khuôn khổ nghiên cứu.

nghề được trình bày dưới dạng kết quả phân tích định tính, cần được kiểm chứng thêm bằng các nghiên cứu thực địa trong thời gian tới.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Thực trạng cơ chế, chính sách đối với trí thức khoa học, công nghệ trẻ trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

3.1.1. Cơ chế tạo cơ hội việc làm và mở rộng khả năng tiếp cận nguồn lực cho trí thức khoa học, công nghệ trẻ

Một trong những hướng trọng tâm nhằm thúc đẩy sự tham gia của trí thức khoa học và công nghệ trẻ là tạo cơ hội việc làm và mở rộng khả năng tiếp cận các nguồn lực phát triển thông qua chính sách thu hút, tuyển dụng và trọng dụng nhân lực chất lượng cao. Các văn bản quy phạm pháp luật gần đây đã cụ thể hóa định hướng này theo từng nhóm đối tượng và công cụ chính sách khác nhau, thay vì hình thành một gói chính sách đồng nhất.

Theo đó, Nghị định số 179/2024/NĐ-CP quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Trong đó, đối tượng “sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng” khi được tuyển dụng vào làm công chức, viên chức được hưởng 100% mức lương trong thời gian tập sự và phụ cấp tăng thêm bằng 150% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày có quyết định tuyển dụng (khoản 1, điều 8). Đây là bước điều chỉnh quan trọng theo hướng giảm bớt rào cản thủ tục và tăng cường đãi ngộ tài chính ngay từ giai đoạn đầu vào.

Bên cạnh đó, Nghị định số 263/2025/NĐ-CP trực tiếp quy định tiêu chuẩn và quyền lợi riêng của nhà khoa học trẻ tài năng và kỹ sư trẻ tài năng. Cụ thể, đối với nhà khoa học trẻ tài năng, các ưu đãi bao gồm: được ưu tiên tuyển dụng vào viên chức; được tạo điều kiện hình thành nhóm nghiên cứu mạnh và bố trí kinh phí triển khai ý tưởng nghiên cứu; được ưu tiên cử đi và chi trả kinh phí thực tập, làm việc ngắn hạn ở nước ngoài; được cơ quan có thẩm quyền xem xét giao chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cùng các chính sách ưu đãi khác theo quy định của Chính phủ (khoản 3, điều 39, mục 2, chương IV).

Đối với kỹ sư trẻ tài năng, ngoài việc được ưu tiên tuyển dụng vào viên chức, còn được hưởng phụ cấp tăng thêm bằng 150% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng trong thời hạn 05 năm (phụ cấp này không dùng để tính đóng bảo hiểm); được tạo điều kiện hình thành nhóm nghiên cứu mạnh và bố trí kinh phí; được ưu tiên cử đi thực tập, làm việc ngắn hạn ở nước ngoài và hỗ trợ chi phí đào tạo, nâng cao trình độ ở nước ngoài; được xem xét giao chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (khoản 3 điều 40 mục 2, chương IV).

Trong khi đó, Nghị định số 249/2025/NĐ-CP tập trung vào cơ chế thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đối tượng chính là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đáp ứng tiêu chí chuyên gia cùng các cơ quan được giao nhiệm vụ. Các chính sách nổi bật gồm: tiền lương thỏa thuận tiệm cận thị trường; thưởng theo hiệu quả công việc tối đa 04 tháng lương mỗi năm; hỗ trợ ban đầu 01 tháng lương để ổn định chỗ ở và mua sắm thiết yếu; hỗ trợ tiền thuê nhà, phương tiện đi lại hoặc cung cấp căn hộ, phương tiện trong thời gian làm chuyên gia; chi trả kinh phí đi nghiên cứu, trao đổi khoa học ở nước ngoài khi được cử theo nhiệm vụ; cùng chế độ chăm sóc y tế, nghỉ dưỡng và nghỉ phép (điều 8, mục 2, chương II). Mặc dù không được thiết kế trực tiếp cho nhóm trí thức khoa học và công nghệ trẻ trong nước, các cơ chế này vẫn có ý nghĩa tạo lập cơ hội đối với trí thức trẻ có năng lực chuyên môn cao, đặc biệt những người có khả năng đáp ứng tiêu chí chuyên gia và tham gia vào các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Về không gian khởi nghiệp và thương mại hóa, Luật Thanh niên năm 2020, Luật Giáo dục đại học 2025 và Quyết định số 897/QĐ-TTg đã xác định trách nhiệm của Nhà nước và cơ sở đào tạo trong việc bảo đảm điều kiện học tập, bồi dưỡng kỹ năng, cung cấp thông tin thị trường và hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật. Đặc biệt, Nghị quyết số 68-NQ/TW, Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ 2025 đã tháo gỡ một số rào cản về sở hữu và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tạo điều kiện cho doanh nghiệp công nghệ chuyên sâu và doanh nghiệp khởi nguồn công nghệ từ viện – trường hình thành, tiếp cận vốn và đưa sáng chế vào thực tiễn.

Đồng thời, chính sách hỗ trợ học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cũng đóng vai trò tạo nguồn nhân lực dài hạn. Điều 16 Luật Thanh niên năm 2020 thể hiện sự bảo đảm bình đẳng tiếp cận giáo dục, tín dụng, học bổng và miễn giảm học phí. Các quy định về học bổng sinh hoạt phí cho sinh viên và học viên cao học tài năng theo ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược (theo các nghị định liên quan) thuộc nhóm chính sách tạo nguồn, nhằm chuẩn bị lực lượng kế cận, chứ không phải chính sách trực tiếp thúc đẩy sự tham gia của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ trẻ đang hoạt động. Đồng thời, cơ chế liên kết đào tạo giữa doanh nghiệp trong khu công nghệ cao với trường đại học, viện nghiên cứu (theo Nghị định số 10/2024/NĐ-CP) giúp người học sớm tiếp cận quy trình công nghệ thực tế và chuyên gia đầu ngành.

Như vậy, hệ thống cơ chế, chính sách mới ban hành đã từng bước hình thành chuỗi hỗ trợ từ tạo nguồn, tuyển dụng ưu tiên, trao quyền chủ trì nhiệm vụ đến hỗ trợ khởi nghiệp. Tuy nhiên, các công cụ chính sách được thiết kế theo từng nhóm đối tượng cụ thể; việc nhận diện rõ sự khác biệt này là cần thiết để đánh giá mức độ bao phủ và hiệu quả thực tế đối với trí thức khoa học và công nghệ trẻ.

3.1.2. Cơ chế đãi ngộ, tôn vinh và bảo đảm môi trường sáng tạo cho trí thức khoa học, công nghệ trẻ

Song hành với việc mở rộng cơ hội việc làm và các kênh tiếp cận nguồn lực, việc thiết lập đồng bộ cơ chế tạo động lực và bảo đảm môi trường sáng tạo đóng vai trò mắt xích quyết định để duy trì sự gắn bó lâu dài và khơi mở tối đa năng lực cống hiến của trí thức khoa học, công nghệ trẻ.

Trước hết, Nghị định số 27/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2014/NĐ-CP và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP) quy định nhà khoa học trẻ được phép sử dụng kết quả nghiên cứu từ ngân sách nhà nước để thành lập hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp khoa học công nghệ; đồng thời nhận hỗ trợ kinh phí sử dụng phòng thí nghiệm trọng điểm, chi phí công bố quốc tế và phí đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Những quy định này tạo điều kiện để kết quả nghiên cứu chuyên hóa thành giá trị kinh tế – xã hội.

Về tôn vinh và khen thưởng, hệ thống giải thưởng khoa học uy tín do Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chủ trì (tiêu biểu là Giải thưởng Quả cầu vàng và Giải thưởng Khuê Văn Các) cùng các sân chơi học thuật tại các trung tâm đào tạo hàng đầu (như Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học của Đại học Quốc gia Hà Nội, Giải thưởng Euréka) tạo ra cơ chế tham gia và phát triển nghề nghiệp theo hướng: (1) ghi nhận thành tích nghiên cứu sớm, giúp xây dựng uy tín học thuật ban đầu; (2) tạo cơ hội kết nối với chuyên gia, viện nghiên cứu và doanh nghiệp; (3) mở đường tiếp cận các chương trình hỗ trợ tiếp theo (học bổng, nhiệm vụ nghiên cứu, vị trí việc làm ưu tiên). Những cơ chế này góp phần kích hoạt động lực tinh thần và hình thành lộ trình phát triển nghề nghiệp cho lực lượng nghiên cứu trẻ.

Nhìn chung, từ cơ hội thăng tiến nghề nghiệp, hỗ trợ thương mại hóa, đãi ngộ thu nhập đến tôn vinh tinh thần, hệ thống cơ chế đã được thiết kế theo hướng đồng bộ hơn. Tuy nhiên, hiệu quả thực tiễn phụ thuộc vào mức độ thực thi thống nhất và khả năng bao phủ đối với các nhóm trí thức khoa học và công nghệ trẻ khác nhau trong hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3.2. Một số vấn đề đặt ra đối với cơ chế chính sách dành cho trí thức khoa học, công nghệ trẻ trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Bên cạnh những nỗ lực hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm mở rộng cơ hội và tạo động lực cho nhân lực chất lượng cao, quá trình thực thi chính sách đối với trí thức khoa học và công nghệ trẻ trong giai đoạn gần đây vẫn bộc lộ một số điểm nghẽn mang tính cấu trúc như sau:

Một là, sự thiếu đồng bộ của hệ thống chính sách dành riêng cho trí thức khoa học và công nghệ trẻ trong toàn bộ vòng đời nghề nghiệp.

Hệ thống chính sách phát triển nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam hiện được quy định trong nhiều văn bản pháp luật và văn bản chỉ đạo, do các cơ quan quản lý khác nhau ban hành. Mặc dù cách tiếp cận này tạo ra nhiều cơ chế hỗ trợ cho từng nhóm đối tượng, song cũng dẫn đến tình trạng phân tán chính sách, thiếu liên kết giữa các khâu và chưa hình thành được một hệ thống chính sách thống

nhất đối với trí thức khoa học và công nghệ trẻ.

Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 cùng Nghị định số 263/2025/NĐ-CP đã bước đầu tạo lập cơ sở pháp lý tương đối toàn diện cho phát triển nhân lực, nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Các chính sách được quy định khá đa dạng, từ ưu tiên tuyển dụng vào viên chức, nâng lương vượt bậc đối với cá nhân có thành tích, ưu đãi đối với giáo sư, phó giáo sư trong các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đến tài trợ nghiên cứu cho nghiên cứu viên sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh và học viên cao học; hỗ trợ nhà khoa học xuất sắc; ưu đãi đối với chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực; cũng như các chính sách dành cho nhà khoa học trẻ tài năng và kỹ sư trẻ tài năng. Tuy nhiên, các chính sách này chủ yếu được thiết kế theo từng nhóm đối tượng hoặc từng nhu cầu cụ thể, chưa tạo thành một khung chính sách thống nhất và liên tục dành cho trí thức khoa học và công nghệ trẻ trong suốt quá trình phát triển nghề nghiệp.

Hạn chế này có thể thấy rõ khi xem xét toàn bộ vòng đời nghề nghiệp của lực lượng trí thức khoa học và công nghệ trẻ, từ tạo nguồn, đào tạo, tuyển dụng, khởi đầu sự nghiệp nghiên cứu, phát triển chuyên môn, duy trì và phát huy năng lực, đến chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Chính sách hiện hành đã có những hỗ trợ ở một số khâu, nhưng sự kết nối giữa các khâu còn hạn chế. Vì vậy, một cá nhân có thể được hỗ trợ trong giai đoạn đào tạo hoặc được hưởng ưu đãi khi đạt một thành tích nhất định, nhưng chưa chắc đã có một lộ trình chính sách tương ứng cho các giai đoạn tiếp theo của quá trình phát triển nghề nghiệp. Khoảng trống chính sách này làm giảm tính liên tục của quá trình nuôi dưỡng, sử dụng và phát huy nguồn nhân lực khoa học, công nghệ trẻ.

Bên cạnh đó, các cơ chế ưu đãi hiện hành còn có sự khác biệt về cách xác định đối tượng thụ hưởng và tiêu chí đánh giá. Chẳng hạn, Nghị định số 179/2024/NĐ-CP xác định đối tượng “sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng” theo độ tuổi quy định tại Luật Thanh niên; Nghị định số 263/2025/NĐ-CP quy định nhóm đối tượng dưới 35 tuổi; trong khi Nghị định số 249/2025/NĐ-CP tập trung vào nhóm chuyên gia nhưng không đặt trọng tâm vào tiêu

chí tuổi. Không chỉ khác nhau về độ tuổi, các văn bản còn sử dụng những tiêu chí khác nhau liên quan đến trình độ chuyên môn, thành tích nghiên cứu, công bố khoa học, giải thưởng và kinh nghiệm nghề nghiệp. Điều này có thể gây khó khăn cho quá trình xác định đối tượng, áp dụng chính sách và đặc biệt là xây dựng một lộ trình phát triển nghề nghiệp thống nhất cho đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ trẻ.

Ngoài sự phân tán về đối tượng và tiêu chí, tính liên thông giữa chính sách khoa học, công nghệ với các chính sách có liên quan (về thuế, tín dụng, ưu đãi đầu tư và cơ chế tự chủ, liên kết của cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu) cũng chưa thật sự rõ nét. Khi các chính sách hỗ trợ không được kết nối đồng bộ với những cơ chế này, khả năng chuyển hóa ưu đãi trên văn bản thành nguồn lực thực tế cho nhà khoa học trẻ có thể bị hạn chế.

Như vậy, vấn đề đặt ra không phải là Việt Nam thiếu các chính sách hỗ trợ trí thức khoa học và công nghệ trẻ, mà quan trọng hơn là các chính sách hiện có chưa được kết nối thành một hệ thống thống nhất, có tính liên tục và bao quát toàn bộ vòng đời nghề nghiệp. Sự thiếu đồng bộ này làm cho chính sách dễ thiên về hỗ trợ theo từng thời điểm, từng nhóm đối tượng hoặc từng thành tích, thay vì tạo dựng một môi trường thể chế đủ ổn định để trí thức trẻ hình thành năng lực, phát triển sự nghiệp, duy trì động lực nghiên cứu và chuyển hóa tri thức thành các sản phẩm, giải pháp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Hai là, khoảng cách giữa văn bản pháp lý và thực thi do hạn chế về năng lực tổ chức và thiếu tiêu chí vận hành cụ thể.

Mặc dù hệ thống chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài trẻ đã từng bước mở rộng, với nhiều cơ chế như ưu tiên tuyển dụng, phụ cấp tăng thêm, tiền lương theo thỏa thuận và ưu tiên giao quyền chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ, khoảng cách giữa quy định trên văn bản và khả năng thực hiện trong thực tế vẫn là một vấn đề đáng lưu ý.

Một trong những nguyên nhân quan trọng là chính sách hiện nay mới chủ yếu tập trung ở giai đoạn thu hút và đãi ngộ ban đầu, trong khi khâu giữ chân, bố trí, sử dụng và phát triển lâu dài chưa được quan tâm tương xứng. Việc đánh giá vẫn còn nặng về hồ sơ, bằng cấp, chức danh và quy trình hành chính thay vì năng lực thực

tế và sản phẩm đầu ra. Điều này đã được Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm thẳng thắn chỉ rõ tại buổi làm việc với Đảng ủy Chính phủ về Chiến lược quốc gia phát triển nhân tài trong các ngành mũi nhọn, chiến lược, khi nhấn mạnh rằng công tác nhân tài còn nhiều bất cập ở giai đoạn trọng dụng lâu dài; việc đánh giá vẫn nặng về hồ sơ, bằng cấp, chức danh và quy trình hành chính thay vì năng lực thực tế. Kết quả sơ kết 1 năm 6 tháng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (Thông báo số 24-TB/CQTTCĐ) cũng cho thấy khâu yếu nhất nằm ở tổ chức thực hiện: tình trạng triển khai hình thức, chậm trễ và buông lỏng kỷ luật của người đứng đầu tại một số đơn vị khiến các chính sách đột phá chưa tạo ra nhiều sản phẩm chiến lược. Sự chậm trễ, đùn đẩy trách nhiệm và tâm lý sợ sai tiếp tục khiến nhiều cơ chế mở đường cho nhà khoa học trẻ, dù đã có hiệu lực pháp lý, vẫn bị đình trệ trên thực tế (theo Nguyễn Hạnh Nguyên, 2026).

Về cơ chế tài chính, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 cùng Nghị định số 265/2025/NĐ-CP đã thiết lập cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần. Đây là bước tiến quan trọng. Tuy nhiên, mức độ áp dụng tại các đơn vị còn chưa đồng đều; năng lực thực thi và sự chuyển đổi tư duy kiểm soát đầu vào sang quản trị theo kết quả vẫn là thách thức lớn. Quy trình phê duyệt, giải ngân và thanh quyết toán tại nhiều nơi vẫn bị chi phối bởi tư duy kiểm soát chứng từ, khiến nhà nghiên cứu trẻ phải dành nhiều thời gian cho nghiệp vụ phi chuyên môn.

Cùng với đó, mặc dù Nghị định số 267/2025/NĐ-CP cùng các văn bản liên quan đã tạo cơ sở pháp lý cho việc chấp nhận một số rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, tiêu chí và hướng dẫn vận hành còn cần được cụ thể hóa, trong khi tâm lý e ngại trách nhiệm có thể khiến nhà khoa học, đặc biệt là người trẻ, ưu tiên những hướng nghiên cứu “an toàn”, dễ nghiệm thu hơn là các hướng có tính mới và rủi ro cao.

Trong thương mại hóa và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Nghị định số 268/2025/NĐ-CP đã mở rộng cơ sở pháp lý cho hoạt động ươm tạo và khai thác kết quả nghiên cứu. Tuy vậy, những vướng mắc về sở hữu công nghiệp, cơ chế phân chia lợi ích và kết nối với doanh nghiệp, nhà đầu tư vẫn có thể làm giảm động lực đưa kết quả

nghiên cứu ra thị trường.

Như vậy, điểm nghẽn không chỉ nằm ở việc ban hành chính sách mà còn ở khả năng chuyển hóa chính sách thành các cơ chế vận hành cụ thể, minh bạch và có tính bảo đảm. Đây là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng phát huy năng lực, chấp nhận rủi ro và gắn bó lâu dài của trí thức khoa học và công nghệ trẻ.

4. Kết luận và khuyến nghị

Những năm gần đây, cùng yêu cầu phát triển đất nước và định hướng chiến lược của Đại hội XIV của Đảng, Việt Nam đã có những nỗ lực đáng ghi nhận trong hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy sự tham gia và phát huy vai trò tiên phong của trí thức khoa học, công nghệ trẻ. Hệ thống thể chế mới đã từng bước mở ra cơ hội việc làm, tiếp cận nguồn lực, đãi ngộ và tôn vinh tương đối toàn diện thông qua các nghị định chuyên biệt. Tuy nhiên, quá trình thực thi vẫn cho thấy khoảng cách rõ rệt giữa quyết tâm chính trị với hiệu quả thực tiễn. Hệ thống chính sách còn phân tán theo từng nhóm đối tượng, thiếu tính tích hợp cho toàn bộ vòng đời nghề nghiệp của trí thức trẻ; trọng tâm vẫn nghiêng về thu hút và đãi ngộ ban đầu; năng lực tổ chức thực thi và sự chuyển đổi tư duy quản trị tại cấp cơ sở còn hạn chế; khung pháp lý về khoán chi theo đầu ra và chấp nhận rủi ro đã được thiết lập nhưng mức độ vận hành thực tế chưa đồng đều. Những điểm nghẽn này khiến tiềm năng của thế hệ trẻ chưa thể chuyển hóa đầy đủ thành giải pháp công nghệ phục vụ tăng trưởng quốc gia:

Một là, xây dựng hệ thống chính sách tích hợp và có tính liên tục đối với trí thức khoa học và công nghệ trẻ. Cần rà soát, hệ thống hóa các quy định hiện hành theo hướng hình thành một khung chính sách thống nhất, bao quát toàn bộ quá trình phát triển nghề nghiệp của trí thức trẻ. Trong đó, cần thống nhất hơn về tiêu chí nhận diện, điều kiện thụ hưởng và cơ chế chuyển tiếp giữa các giai đoạn; đồng thời bảo đảm sự tương thích giữa chính sách khoa học, công nghệ với pháp luật về viên chức, ngân sách, thuế, tín dụng và cơ chế tự chủ của các viện, trường. Mục tiêu là chuyển từ các chính sách hỗ trợ theo từng nhóm, từng thời điểm sang một lộ trình phát triển nghề nghiệp có tính liên kết và dự báo được đối với trí thức khoa học và công nghệ trẻ.

Hai là, thu hẹp khoảng cách giữa chính sách và thực thi thông qua trao quyền, đơn giản hóa thủ tục và nâng cao năng lực quản trị. Cần chuyển trọng tâm từ việc ban hành cơ chế sang bảo đảm khả năng vận hành trên thực tế; tăng quyền chủ động cho nhà khoa học trẻ trong thực hiện nhiệm vụ, tiếp cận nguồn lực và tổ chức nghiên cứu; đồng thời chuyển mạnh từ kiểm soát đầu vào sang đánh giá theo kết quả và sản phẩm đầu ra. Cùng với đó, cần cụ thể hóa tiêu chí và quy trình áp dụng cơ chế khoán chi, chấp nhận rủi ro và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và có cơ chế bảo vệ đối với cán bộ, nhà khoa học khi

thực hiện đúng quy định.

Nhìn tổng thể, hoàn thiện chính sách đối với trí thức khoa học và công nghệ trẻ không chỉ là vấn đề bổ sung thêm các ưu đãi, mà quan trọng hơn là xây dựng một hệ thống chính sách có tính liên thông và bảo đảm khả năng thực thi. Khi hai điều kiện này được đáp ứng, các cơ chế chính sách mới có thể thực sự chuyên hóa thành cơ hội, nguồn lực và động lực để trí thức trẻ phát triển sự nghiệp, mạnh dạn đổi mới sáng tạo và đóng góp hiệu quả hơn cho phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn mới./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
2. Chính phủ. (2020). *Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam*.
3. Chính phủ. (2024). *Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 quy định về khu công nghệ cao*.
4. Chính phủ. (2024). *Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội*.
5. Chính phủ. (2025). *Nghị định số 249/2025/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*.
6. Chính phủ. (2025). *Nghị định số 263/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*.
7. Chính phủ. (2026). *Nghị định số 179/2026/NĐ-CP quy định chính sách học bổng cho người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược*.
8. Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. (2026). *Thông báo số 24-TB/CQTBCĐ ngày 07/7/2026 kết luận của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc sơ kết 1 năm 6 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW*.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV. *Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật*.
10. Nguyễn Hạnh Nguyên. (2026). Thu hút nhân tài gắn với trọng dụng, giao nhiệm vụ cụ thể và quyền hạn cần thiết. *Báo Nhân dân*.
11. Quốc hội. (2020). *Luật Thanh niên số 57/2020/QH14 ngày 16/6/2020*.
12. Quốc hội. (2025). *Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15*.
13. Quốc hội. (2025). *Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15*.
14. Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 897/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp” giai đoạn 2022 - 2030*.
15. Việt Hà, & Việt Trung. (2026). Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm: Quyết tâm đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành động lực phát triển mạnh mẽ của đất nước trong giai đoạn mới. *Báo Quân đội nhân dân*.